

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 2

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Hai nghìn không trăm linh năm đơn vị, tám mươi sáu phần trăm viết là:

- A. 20058,6 B. 20,0586 C. 2005,86 D. 2005,086

Phương pháp

Muốn viết số thập phân, trước hết viết phần nguyên, viết dấu phẩy, sau đó viết phần thập phân.

Lời giải

Hai nghìn không trăm linh năm đơn vị, tám mươi sáu phần trăm viết là: 2005,86

Đáp án: C

Câu 2. Phân số $\frac{725}{10}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 0,0725 B. 0,725 C. 7,25 D. 72,5

Phương pháp

Chuyển phân số thập phân về dạng hỗn số rồi viết số thập phân.

Lời giải

Ta có $\frac{725}{10} = 72\frac{5}{10} = 72,5$

Đáp án: D

Câu 3. Số bé nhất trong các số sau là:

- A. 1,363 B. 1,342 C. 1,753 D. 1,865

Phương pháp

So sánh các số để xác định số bé nhất.

Lời giải

Số bé nhất trong các số đã cho là: 1,342

Đáp án: B

Câu 4. Phép nhân nhằm $28,964 \times 100$ có kết quả là:

- A. 289,64 B. 2896,4 C. 2,8964 D. 0,28964

Phương pháp

Muốn nhân một số thập phân với 10; 100; 1 000; ...ta chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên phải một, hai, ba, ... chữ số.

Lời giải

Ta có $28,964 \times 100 = 2896,4$

Đáp án: B

Câu 5. Một cái bánh chưng cân nặng 0,6 kg, một cái bánh tét cân nặng 0,8 kg. Hỏi 8 cái bánh chưng và 2 cái bánh tét như vậy nặng tất cả bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 6,4 kg B. 7,6 kg C. 14 kg D. 4,8 kg

Phương pháp

- Tìm cân nặng của 8 cái bánh chưng
- Tìm cân nặng của 2 cái bánh tét
- Tìm tổng cân nặng của 8 cái bánh chưng và 2 cái bánh tét

Lời giải

Cân nặng của 8 cái bánh chưng là: $0,6 \times 8 = 4,8$ (kg)

Cân nặng của 2 cái bánh tét là: $0,8 \times 2 = 1,6$ (kg)

Cân nặng của 8 cái bánh chưng và 2 cái bánh tét là: $4,8 + 1,6 = 6,4$ (kg)

Đáp án: A

Câu 6. Bác Chu cắt một tấm kính dạng hình thang có độ dài hai đáy là 60 cm và 12 dm; chiều cao là 40 cm để làm mặt bàn. Diện tích tấm kính làm mặt bàn đó là:

A. 3 600 dm² B. 3 600 cm² C. 7 200 dm² D. 1 440 cm²

Phương pháp

- Đổi về đơn vị cm
- Diện tích hình thang = (đáy lớn + đáy bé) x chiều cao : 2

Lời giải

Đổi: 12 dm = 120 cm

Diện tích tấm kính làm mặt bàn đó là: $(120 + 60) \times 40 : 2 = 3\ 600$ (cm²)

Đáp án: B**II. TỰ LUẬN**

Câu 1. Tính giá trị biểu thức (tính bằng cách thuận tiện nếu có thể)

- a) $(8,76 + 0,45) : 5 - 1,37$ b) $6,7 \times 6 - 7,8 \times 2 + 8,35$
 c) $1,25 \times 2,5 \times 36 \times 0,4 \times 80$ d) $24,7 \times 0,6 - 0,6 \times 4,7$

Phương pháp

- a) Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước
- b) Thực hiện phép tính nhân trước rồi đến phép tính cộng, trừ
- c) Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân
- d) Áp dụng công thức $a \times b - a \times c = a \times (b - c)$

Lời giải

$$a) (8,76 + 0,45) : 5 - 1,37 = 9,21 : 5 - 1,37$$

$$= 1,842 - 1,37$$

$$= 0,472$$

$$b) 6,7 \times 6 - 7,8 \times 2 + 8,35 = 40,2 - 15,6 + 8,35$$

$$= 24,6 + 8,35$$

$$= 32,95$$

$$c) 1,25 \times 2,5 \times 36 \times 0,4 \times 80 = (1,25 \times 80) \times (2,5 \times 0,4) \times 36$$

$$= 100 \times 1 \times 36$$

$$= 3\ 600$$

$$d) 24,7 \times 0,6 - 0,6 \times 4,7 = 0,6 \times (24,7 - 4,7) = 0,6 \times 20 = 12$$

Câu 2. Điền số thập phân thích hợp vào chỗ trống.

$$a) 5\ 509\text{g} = \dots\dots\dots \text{kg}$$

$$b) 7\ 465\text{ m} = \dots\dots\dots \text{km}$$

$$c) 8\ 700\text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ha}$$

$$d) 3\text{km}^2\ 9\text{ ha} = \dots\dots\dots \text{km}^2$$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1\text{ g} = \frac{1}{1000}\text{ kg}$; $1\text{ m} = \frac{1}{1000}\text{ km}$

$1\text{m}^2 = \frac{1}{10000}\text{ ha}$; $1\text{ ha} = \frac{1}{100}\text{ km}^2$

Lời giải

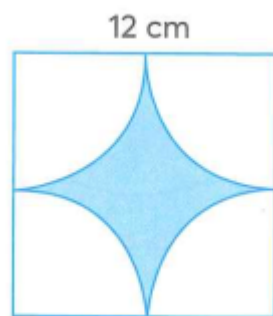
$$a) 5\ 509\text{g} = \mathbf{5,509}\text{ kg}$$

$$b) 7\ 465\text{ m} = \mathbf{7,465}\text{ km}$$

$$c) 8\ 700\text{ m}^2 = \mathbf{0,87}\text{ ha}$$

$$d) 3\text{km}^2\ 9\text{ ha} = \mathbf{3,09}\text{ km}^2$$

Câu 3. Tính diện tích phần màu xanh trong hình dưới đây, biết độ dài cạnh của hình vuông là 12 cm.



Phương pháp

- Tìm diện tích hình vuông

- Tìm diện tích hình tròn có bán kính 6 cm

- Diện tích phần màu xanh = diện tích hình vuông - diện tích hình tròn có bán kính 6 cm

Lời giải

Diện tích hình vuông là:

$$12 \times 12 = 144 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích hình tròn có bán kính 6 cm là:

$$6 \times 6 \times 3,14 = 113,04 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích phần màu xanh là:

$$144 - 113,04 = 30,96 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: $30,96 \text{ cm}^2$

Câu 4. Tổng số gạo trong hai bao là 92,1 kg. Nếu chuyển 0,45 kg gạo từ bao thứ nhất sang bao thứ hai thì số ki-lô-gam gạo có trong hai bao sẽ bằng nhau. Hỏi lúc đầu bao thứ nhất có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Phương pháp

- Tìm số kg gạo bao thứ nhất nhiều hơn bao thứ hai
- Số kg gạo ở bao thứ nhất = (tổng + hiệu) : 2

Lời giải

Số kg gạo bao thứ nhất nhiều hơn bao thứ hai là:

$$0,45 \times 2 = 0,9 \text{ (kg)}$$

Lúc đầu bao thứ nhất có số ki-lô-gam gạo là:

$$(92,1 + 0,9) : 2 = 46,5 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 46,5 kg